TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **147**/2018/HNGĐ-ST Ngày: 30-11-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa:Ông Phạm Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 689/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Huỳnh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Minh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Huỳnh N trình bày:

Bà Đỗ Thị Huỳnh N và ông Lâm Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 111 quyển số 01/08, ngày 12/08/2008.

Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi. Ông T thường ghen tuông vô cớ, uống rượu và đánh chửi mẹ con bà N. Ông T còn có lời lẽ, hành vi xúc phạm, hạ thấp nhân phẩm bà N, gây ảnh

hưởng đến công việc của bà N. Bà N đã nhiều lần nhẫn nhịn để vợ chồng có thể hòa thuận, cùng nuôi dạy con cái nhưng ông T không có sự thay đổi. Hiện nay, hai vợ chồng đã không còn chung sống, ông T đi cả tuần mới về một lần. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà N và ông T có 02 con chung tên Lâm Phi D, sinh ngày 25/12/2008 và Lâm Dương P, sinh ngày 25/11/2015. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lâm Minh T nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Lâm Minh T. Ông T có nơi cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà N vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Huỳnh N và ông Lâm Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T (nay là phường T, thành phố T), tỉnh Bình Dương vào ngày 12/08/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Bà N cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T hay ghen tuông vô cớ, có hành vi đánh chửi, xác phạm nhân phẩm bà N. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà N và ông T cũng xác định giữa ông T và bà N có nhiều mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng không còn chung sống, khó có khả năng hàn gắn. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa để làm việc cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N. Điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T đã thực sự không còn và ông T cũng không mong muốn hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng ông T, bà N có 02 con chung tên Lâm Phi D, sinh ngày 25/12/2008 và Lâm Dương P, sinh ngày 25/11/2015. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống cùng bà N, cháu D có nguyện vọng được sống với bà N, cháu P thì còn rất nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cũng như sự ổn định cuộc sống của cháu D và P thì cần để bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà N. Do đó, yêu cầu của bà N là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Từ phân tích trên, nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Huỳnh N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Lâm Minh T; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đỗ Thị Huỳnh N phải nộp số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Huỳnh N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Lâm Minh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Lâm Minh T.

1.2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Huỳnh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Phi D, sinh ngày 25/12/2008 và Lâm Dương P, sinh ngày 25/11/2015.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Không ai được quyền cản trở ông Lâm Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Huỳnh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0022565 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường T, Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Võ Thị Thu Thảo